TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **CỤC THỐNG KÊ VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: 733 /BC-CTK *Vĩnh Long, ngày 25 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO

###### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

###### QUÝ IV VÀNĂM 2022

Tỉnh Vĩnh Long thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi đan xem với những khó khăn thách thức. Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt; nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã kịp thời ổn định, quay trở lại hoạt động và tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ những tháng đầu năm, ... Tuy nhiên, do tình hình chính trị của các nước trên thế giới diễn biến hết sức phức tạp, xung đột giữa Nga - Ucraina vẫn còn diễn ra, áp lực lạm phát gia tăng và chính sách thắt chặt tiền tệ ở các nền kinh tế phát triển làm cho kinh tế thế giới bị suy giảm; tình hình thiên tai, dịch bệnh, sạt lở, lốc xoáy diễn biến phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Năm 2022,tỉnh Vĩnh Long đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Trung ương; Nghị quyết của Tỉnh ủy; các chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được triển khai kịp thời; với sự chỉ đạo điều hành sâu sát của HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự nỗ lực phấn đấu, đồng lòng của người dân, doanh nghiệp nên kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả đáng phấn khởi, nổi bật là tăng trưởng mạnh về kinh tế; an sinh xã hội, đời sống người dân được cải thiện rõ nét.

Trong năm tỉnh đã hoàn thành đạt và vượt 20/21 chỉ tiêu Nghị quyết đề ra; đây là một kết quả rất phấn khởi và cao nhất trong những năm gần đây. Cụ thể như sau:

## I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

**1. Tăng trưởng kinh tế**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tính năm 2022 (theo giá so sánh 2010) tăng 11,28% so với năm trước. Trong đó, khu vực I (Nông, Lâm, Thủy sản) tăng 2,01%; khu vực II (Công nghiệp, Xây dựng) tăng 23,34% (trong đó, Công nghiệp tăng 26,19%); khu vực III (Dịch vụ) tăng 15,82%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩmtăng 7,42%.

Trong khu vực 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thì tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2022 của tỉnh Vĩnh Long đứng ở vị trí thứ 3 (sau tỉnh Hậu Giang và Cần Thơ) và xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tăng trưởng kinh tế của tỉnh có mức tăng trưởng là 6,2%; 6 tháng cuối năm 2022 do kinh tế của tỉnh phục hồi và phát triển mạnh trở lại và đạt mức tăng trưởng khá ấn tượng là 16,11% (cùng kỳ 6 tháng cuối năm 2021, tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh phải thực hiện giãn cách xã hội). Nếu chia theo quý thì tốc độ tăng trưởng kinh tế lần lượt là: Quý I/2022 tăng 5,97%; quý II tăng 6,44%; quý III tăng 26,71%; 9 tháng tăng 13,13%; quý IV tăng 6,11%.

Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 của tỉnh tăng chủ yếu là ở khu vực II và III (đóng góp vào mức tăng chung 10,09%) do tình hình dịch bệnh Covid-19 được khống chế và kiểm soát tốt nên sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ phục hồi và phát triển mạnh trở lại trong 6 tháng cuối năm 2022.

Các yếu tố góp phần làm cho GRDP của tỉnh năm 2022 có tốc độ tăng cao là:

**\* *Khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản***:

Mặc dù sản xuất nông nghiệp trong năm 2022 còn gặp nhiều khó khăn; chi phí sản xuất tăng cao, thị trường tiêu thụ hàng nông sản không ổn định, … nên sản lượng lúa cả năm giảm 17,1% (lúa đông xuân giảm 3,12%; lúa hè thu giảm 9,85%; lúa thu đông giảm 44,92%); khoai lang giảm 87,44%; cây hàng năm khác (rau, đậu, …) tăng dưới 3,5%. Tuy nhiên sản lượng một số cây ăn trái chủ lực của tỉnh lại có mức tăng khá cao như: Cam (+26,3%), mít (+25,7%), quýt (+3,6%), chuối (+13,62%), thanh long (+6,8%), ổi (+6%), sầu riêng (+2,4%), …

Chăn nuôi bòvẫn duy trì ổn định như năm 2021 (+0,22%); chăn nuôi heo giảm 11,39% do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, giá bán thấp, bị thua lỗ nên người chăn nuôi không dám mạnh dạn đầu tư để tái đàn; chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, …) phát triển khá. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2022: Bò tăng 3,48%; dê tăng 4,27%; heo giảm 3,45%; gia cầm tăng 8,1% (trong đó gà tăng 13,5%).

Sản lượng nuôi trồng thủy sản trong năm 2022 tăng 12,39% (trong đó, cá tra tăng 16,7%).

Giá trị sản xuất của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2022 (tính theo giá so sánh 2010) đạt 31.061,6 tỷ đồng, tăng 2,16%; trong đó: Nông nghiệp đạt 28.040,7 tỷ đồng, tăng 1,78%; lâm nghiệp đạt 85,9 tỷ đồng, giảm 5,74%; thủy sản đạt 2.935 tỷ đồng, tăng 6,16%.

**\* *Khu vực công nghiệp - xây dựng***:

Ngành công nghiệp và xây dựng năm 2022 đã phục hồi và có sự phát triển mạnh mẽ khá ấn tượng do các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất; nhiều hợp đồng gia công chế biến xuất khẩu được đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhất là gia công sản xuất giày da, dệt may, hàng may mặc. Hoạt động xây dựng cũng phát triển mạnh trở lại tập trung ở xây dựng các công trình kỷ thuật công nghiệp, dân dụng (do tiến độ giải ngân vốn đầu tư công nhanh) và công trình xây dựng nhà ở các loại.

Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp và xây dựng trong năm 2022 (giá so sánh 2010) đạt 39.530,5 tỷ đồng, tăng 23,29% (trong đó công nghiệp đạt 31.736,8 tỷ đồng, tăng 25,17%; xây dựng đạt 7.793,7 tỷ đồng, tăng 16,18%). Trong nhóm ngành công nghiệp: Công nghiệp khai khoáng tăng 85,36%; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 25,6%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 12,36%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,97%.

Chia theo quý thì giá trị sản xuất công nghiệp quý I tăng 18,65%; quý II tăng 10,57%; 6 tháng đầu năm tăng 14,22%; quý III tăng 64,93% (do quý III/2021 dịch Covid-19 bùng phát mạnh); 9 tháng đầu năm tăng 27,1% và quý IV năm 2022 tăng 20,1%.

Một số ngành công nghiệp có mức sản xuất năm 2022 tăng khá cao so năm 2021 là: Sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 19,3%; sản xuất đồ uống tăng 33,2%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 28%; dệt tăng 33,48%; sản xuất trang phục tăng 68,12%; sản xuất giầy da và các sản phẩm có liên quan tăng 26,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm rạ, ... tăng 37,29%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 29,12%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 33,14%, …

Sản lượng sản phẩm sản xuất của ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng cao so với cùng kỳ là: Bia đóng lon tăng 51,6%; Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc tăng 85,8%; Áo phông (T-shirt), áo may ô và các loại áo lót khác cho người lớn dệt kim hoặc đan móc tăng 50,8%; bộ quần áo trượt tuyết tăng 59,6%; giày, dép thể thao có đế ngoài và mũ giày bằng cao su và plastic tăng 32,1%; ....

**\* *Khu vực Dịch vụ***:

Các hoạt động kinh tế được khôi phục trở lại ngay từ đầu năm nên khu vực dịch vụ tăng mạnh trên nền giảm sâu của năm trước: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng 14,62%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 43,39%; thông tin và truyền thông tăng 29,73% (trong đó: Hoạt động phát thanh, truyền hình tăng 50,16%); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,23%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 28,43%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 13,73%; hoạt động dịch vụ khác tăng 12,87%; ...

Có hai nhóm dịch vụ có mức giảm so cùng kỳ là: Dịch vụ y tế giảm 13,62% (do nhu cầu khám chữa bệnh của người dân và sử dụng các dịch vụ ở cơ sở y tế sau dịch covid-19 giảm); hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác giảm 7,48%.

**\*Về cơ cấu kinh tế**

Tổng quy mô GRDP (theo giá hiện hành) năm 2022 của tỉnh đạt 70.974,4 tỷ đồng; so với năm 2021 tăng 15,17%. GRDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 69 triệu đồng/người/năm.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2022 chuyển dịch đúng hướng và khá tích cực: Khu vực I: 38,76%; khu vực II: 18,49%; khu vực III: 42,75%; so với năm 2021 thì cơ cấu kinh tế khu vực I giảm 3,45 điểm phần trăm; khu vực II tăng 2,34 điểm phần trăm và khu vực III tăng 1,11 điểm phần trăm.

**2. Tài chính - ngân hàng**

***2.1. Thu - Chi ngân sách***

*Năm 2022, tỉnh đã thực hiện nghiêm theo tinh thần Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về Chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, cùng với sự lãnh chỉ đạo quyết liệt và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong công tác theo dõi, đảm bảo cân đối cán cân thu - chi ngân sách nhà nước. Đề ra các phương án điều hành thu, chi ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội địa phương, vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế vừa tăng thu ngân sách nhà nước để có nguồn cho chăm lo an sinh xã hội; đồng thời cũng đảm bảo chi hoạt động thường xuyên trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định,ưu tiên ngân sách cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp thiết.*

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện cả năm 2022 được 7.009 tỷ đồng, đạt 107,78% dự toán năm và tăng1,07% so với năm 2021;trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 1.400 tỷ đồng, đạt 87,5% dự toán năm và giảm 1,45% so với năm trước. Trong năm 2022 do thực hiện nhiều chính sách giãn, giảm, miễn thuế và phí của Nhà nước, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, … nên một số khoản thu nội địa giảm so với năm trước như: Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 150% kế hoạch năm và giảm 77,74%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 107,81% kế hoạch và giảm 37,22%; thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 102,03% kế hoạch và giảm 32,8%; thu thuế bảo vệ môi trường đạt 70,76% kế hoạch và giảm 31,29%. Tuy nhiên có một số khoản thu đạt kế hoạch và tăng khá so với năm trước như: Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 278,33% kế hoạch năm và tăng 64,91%; thu phí, lệ phí đạt 133,91% kế hoạch và tăng 29,25%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 116,75% kế hoạch và tăng 23,23%; các khoản thu về nhà, đất đạt 135,48% kế hoạch và tăng 22,31%; …

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 ước thực hiện được 10.748,8 tỷ đồng, đạt 98,12% dự toán năm và tăng 6,71% so với năm 2021. Trong đó, chi đầu tư phát triển được 4.865,3 tỷ đồng, đạt 97,32% dự toán năm, tăng 10,69% so với năm trước; chi thường xuyên 5.452,7 tỷ đồng, đạt 98,7% dự toán và giảm 2,81% so với năm trước. Chi thường xuyên chủ yếu là chi từ nguồn Trung ương bổ sung mục tiêu ngoài dự toán để thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP về hỗ trợ cho người lao động; thực hiện Quyết định 08/2022/QĐ-TTg về hỗ trợ thuê nhà ở cho người lao động; bổ sung từ dự phòng cấp tỉnh để thực hiện chi công tác phòng, chống dịch và một số nhiệm vụ khác phát sinh; …

***2.2. Ngân hàng***

Thực hiện quy định lãi suất theo điều hành củaNgân hàng Nhà nước, các chi nhánh tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh đồng loạt tăng và thực hiện thống nhất theo điều chỉnh của hội sở nhưng vẫn chấp hành đúng quy định về trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND và huy động bằng VND. Các chi nhánh TCTD có điều chỉnh tăng lãi suất huy động từ 0,5 - 2% tùy theo từng kỳ hạn, qua đó cũng làm cho mặt bằng lãi suất cho vay tăng theo tương ứng; nhưng vẫn đảm bảo, chấp hành đúng quy định lãi suất theo điều hành của Ngân hàng Nhà nước và thị trường.

Nhằm ổn định tỷ giá và kiểm soát lạm phát, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 quy định về bảo lãnh ngân hàng, Thông tư 12/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, để giải quyết căng thẳng thanh khoản trên hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ được Ngân hàng nhà nước Vĩnh Long tuyên truyền, chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và tránh trục lợi chính sách.

Các tổ chức tín dụng chấp hành đúng quy định về trần lãi suất huy động và cho vay của Ngân hàng Nhà nước.Tình hình áp dụng lãi suất hiện nay cụ thể như sau:

 ***- Lãi suất huy động bằng VND***: Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng từ 0,5 - 1%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng từ 4,9 - 6%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng từ 6 - 8,9%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức từ 7,4 - 9%/năm; một số TCTD áp dụng lãi suất ở mức trên 9%/năm kèm điều kiện có số dư tiền gửi lớn, kỳ hạn gửi dài. Lãi suất huy động USD vẫn ở mức 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức.

***- Lãi suất cho vay***: Lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên là 5,5%/năm; đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường phổ biến: Ngắn hạn từ 9 - 11%/năm; trung và dài hạn từ 10 - 12%/năm.

Ước tính số dư nguồn vốn huy động trên địa bàn đến cuối tháng 12/2022 đạt 46.545 tỷ đồng, tăng 7% so với số đầu năm; trong đó tiền gửi tiết kiệm ước đạt 35.145 tỷ đồng, chiếm 75,5% trên tổng số dư nguồn vốn huy động, tăng 12,32% so với số đầu năm.

Ước tính tổng dư nợ cho vay đến cuối năm 2022 đạt 42.137 tỷ đồng, tăng 15% so với đầu năm 2022; trong đó, dư nợ trung và dài hạn ước đạt 17.400 tỷ đồng, chiếm 41,3% trên tổng dư nợ, tăng 15,3% so với đầu năm. Dư nợ cho vay tăng khá so với đầu năm, so với năm 2021 tăng 7,33%; tín dụng tập trung tăng vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Nợ xấu tính đến cuối năm 2022 là 620 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,47% trên tổng dư nợ; nợ xấu có xu hướng tăng, nhất là đối với các khách hàng bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng chưa phục hồi.

Hoạt động thanh toán tiếp tục phát triển với nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, thanh toán không dùng tiền mặt tăng mạnh, các giao dịch thanh toán qua Internet banking, Mobile banking tăng cao. Nhiều TCTD áp dụng các chính sách miễn, giảm phí dịch vụ khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng số.

Các chương trình tín dụng chính sách được đẩy mạnh và đạt hiệu quả cao trong công tác giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó, Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện tốt chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

Trong năm 2022, các chi nhánh ngân hàng thương mại triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 1.115 khách hàng, với dư nợ 681 tỷ đồng (trong đó có 34 doanh nghiệp với dư nợ 494 tỷ đồng); miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ cho 7.615 khách hàng với dư nợ 5.147 tỷ đồng (trong đó có 201 doanh nghiệp với dư nợ 2.846 tỷ đồng), với số lãi được miễn giảm là 16,55 tỷ đồng; cho vay mới với lãi suất thấp hơn so với trước dịch với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đạt 24.217 tỷ đồng cho 4.511 khách hàng.

***3. Chỉ số giá, lạm phát***

*Trong tháng, giá xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh giảm làm cho mặt bằng giá xăng dầu bình quân tháng 12/2022 giảm 6,99% so với tháng trước. Bên cạnh đó, giá các mặt hàng thịt heo, trứng gia cầm, thủy hải sản tươi sống và một số mặt hàng rau cải, trái cây tươi cũng có xu hướng giảm, … đã tác động làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2022 giảm 0,18% so với tháng trước.*

Sau một năm (tức tháng 12/2022 so với tháng 12/2021) CPI tăng 3,19%, cao hơn tốc độ tăng CPI cùng kỳ 0,88 điểm phần trăm.

CPI bình quân quý IV tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số nhóm hàng tăng cao như: Giáo dục tăng 24,51% (trong đó, dịch vụ giáo dục tăng 30,97%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,74% (trong đó, lương thực tăng 1,12%; thực phẩm tăng 4,58% và ăn uống ngoài gia đình tăng 2,85%); may mặc, giày dép và mũ nón tăng 3,21%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,77%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,7%; …

CPI bình quân năm 2022 tăng 2,8% so với năm trước, cao hơn 0,73 điểm phần trăm so với số liệu tương ứng của năm 2021. CPI bình quân năm 2022 của 25/32 nhóm hàng hóa, dịch vụ tăng so với cùng kỳ tác động làm tăng CPI chung, trong đó ảnh hưởng lớn là: Dịch vụ giáo dục tăng 11,89%; nhóm giao thông tăng 11,15% (trong đó, nhóm nhiên liệu tăng 26,7%); gas và các loại chất đốt khác tăng 10,75%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 8,73%; điện và dịch vụ điện tăng 6,67%; hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 3,13%; thuốc hút tăng 3,09%; nhóm nhà ở tăng 2,63%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,63%; thể thao và giải trí khác tăng 2,38%; rượu bia tăng 2,34%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 2,33%; đồ dùng học tập và văn phòng tăng 2,17%; …

***\* Chỉ số giá vàng và Dollar Mỹ***: Trong tháng giá vàng biến động theo xu hướng chung của thị trường trong nước và thế giới, Dollar Mỹ giảm nhẹ. Chỉ số giá vàng tháng 12/2022tăng1% so với tháng trước vàtăng2,21% so với tháng 12/2021; Dollar Mỹ giảm2,43% so với tháng trước nhưngtăng5,33% so với tháng 12/2021. Bình quân quý IV năm 2022 chỉ số giá vàng tăng1,34%, Dollar Mỹ tăng6,62% so với cùng quý năm trước.Bình quân năm 2022 chỉ số giá vàng tăng 2,17%, Dollar Mỹ tăng2,09% so với năm trước.

**4. Đầu tư và xây dựng**

*Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều chỉ đạo về công tác đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, chỉ đạo các ngành các cấp kiểm tra đôn đốc khởi công, đẩy nhanh tiến độ các công trình, nhất là công tác giải phóng mặt bằng, thiết kế thi công dự toán, lựa chọn nhà thầu thi công, … Các công trình trọng điểm có vốn lớn được tích cực đẩy nhanh tiến độ nhằm chào mừng các ngày Lễ lớn. Mặt khác, vốn đầu tư chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh cũng tăng, … đã góp phần làm cho khối lượng thực hiện vốn đầu tư năm 2022 đạt khá và tăng mạnh so với năm trước.*

*- Đầu tư:*

Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Nhà nước địa phương quản lý năm 2022 được phân khai là 4.537,692 tỷ đồng (đã loại trừ các khoản trả nợ, hoàn nguồn và thanh toán khối lượng các năm trước), thực hiện theo Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 416/QĐ-SKHĐT ngày 31/12/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ngày 03 tháng 8 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1557/QĐ-UBND về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022. Theo đó, nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh được điều chỉnh tăng 160,747 tỷ đồng. Như vậy, tính đến nay, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý năm 2022 được phân khai là 4.698,439 tỷ đồng.

Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện thuộc kế hoạch vốn do Nhà nước địa phương quản lý trong quý IV năm 2022 đạt 1.140 tỷ đồng, tăng 11,66% so với quý trướcnhưng giảm22,23% so với cùng quý năm trước. Ước tính cả năm 2022 thực hiện được 3.773,8 tỷ đồng, đạt 80,32% kế hoạch vốn giao năm 2022, tăng 12,32% so với năm trước. Tiến độ thực hiện vốn cao hơn năm trước 6,7 điểm phần trăm.

Một số công trình có khối lượng thực hiện lớn trong năm 2022 như: Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long; Đê bao chống ngập thành phố Vĩnh Long - khu vực sông Cái Cá; Dự án đường Võ Văn Kiệt, thành phố Vĩnh Long; Nâng cấp, mở rộng đường Mậu Thân, thành phố Vĩnh Long; Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Vĩnh Long; Nâng cấp, mở rộng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Long; Kè sạt lở bờ sông Long Hồ, khu vực phường 1, phường 5, thành phố Vĩnh Long; Hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt khu vực Bắc Vũng Liêm; Hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt xã Thanh Bình và xã Quới Thiện (huyện Vũng Liêm); Đường Rạch Trúc huyện Vũng Liêm; ...

Tổng số vốn đầu tư phát triển (theo giá hiện hành) trên địa bàn tỉnh quý IV năm 2022 ước đạt 4.800 tỷ đồng, tăng 16,69% so với quý trước và tăng0,96% so với cùng quý năm trước. Tính chung trong năm 2022 tổng vốn đầu tư phát triển ước thực hiện 16.555,5 tỷ đồng, đạt 104,78% chỉ tiêu cả năm 2022 và tăng16,48% so với năm trước. Vốn thực hiện trong năm chủ yếu thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước: đạt 10.082,4 tỷ đồng, chiếm 60,9% tổng số vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn và tăng18,6% so với năm 2021; vốn khu vực Nhà nước đạt 4.702,4 tỷ đồng, chiếm 28,4% tổng vốn và tăng 14,19%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 1.770,7 tỷ đồng, chiếm 10,7% và tăng11,12%.

Trong năm 2022, có 03 dự án FDI được cấp phép mới và 10 dự án bổ sung vốn, với tổng số vốn đăng ký và vốn bổ sung là 156,23 triệu USD.

*- Xây dựng:*

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành ước thực hiện trong quý IV năm 2022 đạt 3.777 tỷ đồng, tăng 19,79% so với quý trước và tăng 5,7% so với cùng quý năm trước. Ước tính cả năm 2022 đạt 12.865 tỷ đồng, tăng27,05% so với năm 2021; trong đó, riêng khu vực ngoài nhà nước đạt 12.762 tỷ đồng, chiếm 99,2%. Trong tổng số giá trị sản xuất xây dựng thì riêng giá trị sản xuất công trình nhà các loại đạt 10.037 tỷ đồng, chiếm 78,02%.

Nếu tính theo giá so sánh 2010, giá trị sản xuất xây dựng quý IV ước đạt 2.283 tỷ đồng, tăng22,07% so với quý trước nhưng giảm0,4% so với cùng quý năm trước. Ước tính cả năm 2022 đạt 7.795 tỷ đồng, tăng16,2% so với năm 2021. Phân theo loại công trình, công trình nhà các loại đạt 6.069 tỷ đồng, tăng14,21%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 1.517 tỷ đồng, tăng26,04% và hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 209 tỷ đồng, tăng 9,66%.

**5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

*Trong năm 2022, các cấp, các ngành đã chỉ đạo quyết liệt và liên tục đối với công tác cải thiện môi trường kinh doanh;hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi hoạt động sản xuất sau dịch Covid-19; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh nên môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh nhà tiếp tục được cải thiện về nhiều mặt. Theo đó, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và số vốn đăng ký trong năm 2022 đều tăng mạnh so với năm trước.*

Trong tháng 12/2022 (tính từ ngày 15/11/2022 đến 14/12/2022):

- Có 28 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 179,2 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, giảm20% về số doanh nghiệp và giảm43,25% về số vốn đăng ký. Bên cạnh đó, cấp giấy phép hoạt động cho 08 chi nhánh và văn phòng đại diện, 10 địa điểm kinh doanh.

- Có 05 doanh nghiệp gặp khó khăn trong tìm kiếm thị trường, sản xuất kinh doanh không hiệu quả nên buộc phải tạm ngừng hoạt động; có 04 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tự nguyện, chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, có 05 doanh nghiệp phục hồi sản xuất, quay trở lại hoạt động kinh doanh.

Tình hình phát triển doanh nghiệp trong năm 2022 (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 14/12/2022) của tỉnh như sau:

- Có 412 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 3.311 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, tăng31,21% về số doanh nghiệp vàtăng23,69% về số vốn đăng ký. Số vốn bình quân một doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 8,03 tỷ đồng/doanh nghiệp, giảm5,53% so với cùng kỳ năm 2021. Bên cạnh đó, cấp 422 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh - văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Trong đó, doanh nghiệp thành lập mới tập trung nhiều ở lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; xây dựng và công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Có 162 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, nguyên nhân chủ yếu là do những biến động của nền kinh tế trướcvà sau dịch Covid-19 đã làm cho doanh nghiệpgặp nhiều khó khăn,sản xuất kinh doanh không hiệu quả nên buộc phải tạm ngừng hoạt động.

- Có 80 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (bao gồm cả giải thể tự nguyện và giải thể do thu hồi). Cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt, khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ buộc các doanh nghiệp phải chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở lĩnh vực thương mại - dịch vụ.Tuy nhiên, có 103 doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, quay trở lại hoạt động.

Tiếp tục tuyên truyền, khuyến khích và hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp đăng ký kinh doanh qua mạng nhằm giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Trong năm 2022, doanh nghiệp thành lập mới thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng đạt 48,3%.

## 6. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

*Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tuy có xảy ra nhưng mức độ gây hại thấp, thị trường đầu ra cho nông sản thuận lợi. Tuy chi phí sản xuất, giá vật tư nông nghiệp tăng cao nhưng với sự hỗ trợ của các cấp chính quyền trong việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn người nông từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị, năng suất và chất lượng sản phẩm, từ đó đã góp phần làm tăng thêm thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác cho bà con nông dân.*

***6.1. Nông nghiệp***

*a) Trồng trọt*:

- Sơ bộ diện tích gieo trồng lúa cả năm 2022 được 112.392,9 ha, chiếm 70,68% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm,giảm 16,44% hay giảm 22.106,8 ha so với năm trước. Ước tính năng suất đạt 60,48 tạ/ha, giảm0,55% hay giảm0,33 tạ/haso với năm trước; sản lượng thu hoạch đạt 679,7 nghìn tấn, giảm 16,89% hay giảm 138,2 nghìn tấn. Diện tích gieo trồng lúa các vụ trong năm đều giảm so với năm 2021,nguyên nhân là do hiệu quả kinh tế từ sản xuất rau màu và cây ăn trái cao gấp nhiều lần so với trồng lúa nên bà con nông dân đã dần chuyển đổi cơ cấu cây trồng; sản xuất lúa vụ thu đôngbị ảnh hưởng bởi thời tiết mưa, bão, triều cườngdâng cao làm cho năng suất đạt thấp, lợi nhuận mang lạikhông cao nên một số nhà nông đã lên líp trồng cây ăn trái, chuyển sang trồng rau màu, một số thì bỏ vụ không gieo trồng để dành thời gian cải tạo, bồi đắp độ màu mỡ cho đất; mặt khác do giá phân bón, vật tư nông nghiệp tăng cao trong khi giá lúa giảm cũng là nguyên nhân tác động làm cho diện tích gieo trồng lúa cả năm 2022 giảm. Cụ thể từng mùa vụ như sau:

*+ Lúa đông xuân 2021-2022*: Toàn tỉnh xuống giống được 46.393,1 ha, giảm 2,24% hay giảm 1.062,7 ha so với vụ đông xuân năm 2021. Năng suất lúa đạt 70,02 tạ/ha, giảm 0,89% hay giảm 0,63 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 324,8 nghìn tấn, giảm 3,12% hay giảm 10,45 nghìn tấn so với cùng vụ năm trước.

*+ Lúa hè thu 2022*: Diện tích xuống giống được41.362,4 ha, giảm 7,89% hay giảm 3.542,6 ha so với vụ hè thu năm 2021. Năng suất đạt 54,26 tạ/ha, giảm 2,13% hay giảm 1,18 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 224,4 nghìn tấn, giảm 9,85% hay giảm 24,5 nghìn tấn so với cùng vụ năm trước.

*+ Lúa thu đông 2022*: Diện tích xuống giống được 24.637,4 ha, giảm 41,53% hay giảm 17.501,6 ha so với vụ thu đông năm 2021. Ước tính năng suất đạt 52,94 tạ/ha, giảm 4,5% hay giảm 2,49 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 130,4 nghìn tấn, giảm 44,17% hay giảm 103,2 nghìn tấn so với cùng vụ năm trước.

- Lúa đông xuân 2022-2023: Đến nay toàn tỉnh đã xuống giống được 38.768,7 ha, đạt 86,2% kế hoạch, so cùng kỳ năm trước giảm 14,3% hay giảm 6.467,9 ha. Hiện lúa trong giai đoạn mạ là 9.404,6 ha, lúa giai đoạn đẻ nhánh là 17.062,3 ha, lúa giai đoạn đòng trổ là 9.749,6 ha, chắc xanh đến chín 2.151,7 ha và đã thu hoạch 400,5 ha. Ước năng suất bình quân đạt 50 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt 2.002,5 tấn. Lúa đông xuân 2022-2023 đang phát triển tốt, sâu bệnh có phát sinh nhưng không đáng kể.

*- Cây màu (các loại cây hàng năm khác ngoài lúa)*: Trong tháng gieo trồng được 1.893,7 ha rau màu, giảm2,23% hay giảm43,2 haso với cùng kỳ năm trước.Sơ bộ cả năm 2022[[[1]](#footnote-2)], diện tích gieo trồng cây màu đạt 32.977,6 ha, giảm 11,93% hay giảm 4.468,9 ha so với năm 2021. Trong đó, giảm nhiều nhất là diện tích khoai lang, đây là loại cây chủ lực của tỉnh chiếm gần 60% tổng diện tích gieo trồng ở nhóm cây chất bột có củ, được gieo trồng chủ yếutại huyện Bình Tân; nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19đã làm đứt gãy thị trường tiêu thụ, thêm vào đó chi phí vật tư nông nghiệp tăng cao, giá bán sản phẩmkhông ổn định dẫn đến sản xuất bị thua lỗ, vì thế người dân đã chuyển sang trồng cây ăn trái và cây màu có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Sơ bộ cả năm 2022, gieo trồng được 1.221,9 ha ngô (bắp), tăng 4,62% so cùng kỳ năm trước; 881 ha khoai lang, giảm 83,41%; 160,1 ha mía, tăng1,61%; 30.420,5 ha rau các loại, giảm 0,26%; 246,3 ha đậu các loại, giảm 5,61%; … Ước sản lượng thu hoạch được 3.483,6 tấn ngô (bắp), tăng 1,71% so với năm trước; 28.859,3 tấn khoai lang, giảm 87,19%; 14.878,6 tấn mía, tăng1,97%; 618.124,8 tấn rau các loại, tăng 2,85%; 425,9 tấn đậu các loại, giảm6,53%; …

*Theo Sở Nông nghiệpvà Phát triển nông thôn,* đến nay đã xuống giống được 9.554 ha cây màu vụ đông xuân 2022-2023, đạt 41,8% kế hoạch, tăng 1,8% hay tăng 168 ha so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích màu xuống ruộng là 3.197 ha, chiếm 33,5% diện tích xuống giống. Riêng diện tích khoai lang chỉ xuống giống được 67 ha, giảm 63,8% hay giảm 118 ha so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng cácmặt hàng rau cải các loại có giá bán tăng phổ biến từ 5 - 10% so với tháng trước; đây là thời điểm bà con nông dân tập trung sản xuất rau cải để phục vụ thị trường Tết Nguyên đán nên nguồn cung giảm đáng kể, làm cho giá bán tăng.

*- Cây lâu năm:* Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, toàn tỉnh hiện có 339,8 ha nhãn nhiễm bệnh chổi rồng, giảm 42,51% hay giảm 251,3 ha so với cùng kỳ năm trước; 3.676 ha cây lâu năm bị nhiễm các loại dịch hại khác, giảm27,01% hay giảm 1.360,2 ha. Các đối tượng gây hại cây trồng chỉ xuất hiện rải rác, với kỹ thuật khoa học như hiện nay bà con nông dân đã phòng trị bệnh kịp thời nên không ảnh hưởng đến năng suất và phẩm cấp sản phẩm.

Sơ bộ năm 2022, diện tích trồng cây lâu năm toàn tỉnh được 68.194,5 ha, tăng 9,2% hay tăng 5.747,5 ha so với năm trước; tổng sản lượng thu hoạch ước đạt 1.408,9 nghìn tấn, tăng 14,3% hay tăng 176,3 nghìn tấn so với năm trước. Trong đó, diện tích cây ăn quả được 57.179,4 ha, tăng 10,76% hay tăng 5.552,7 ha so với năm trước; với diện tích cho sản phẩm hơn 45.500 ha, tăng hơn 3.700 ha. Với diện tích cho sản phẩm tăng cao cùngvới điều kiện thời tiết thuận lợi, thổ nhưỡng thích hợp đã giúpcác cây trồng chủ lực của tỉnh phát triển tốt, ít sâu bệnh, nên năng suất các chủng loại cây ăn trái có xu hướng tăng.

Sản lượng thu hoạch một số cây chủ lực như sau: Cây xoài được 83.034,9 tấn, tăng 2,4% hay tăng 1.945,3 tấn so với năm trước; cây chuối được 20.008,3 tấn, tăng 11,07% hay tăng 1.994,3 tấn;cây thanh long được 6.105,8 tấn, tăng 6,65% hay tăng 381 tấn; cây cam sành được 789.217,7 tấn, tăng 22,44% hay tăng 144.622,7 tấn; cây bưởi được 116.144,3 tấn, tăng 1,29% hay tăng 1.479,6 tấn;cây nhãn được 57.211,6 tấn, tăng 1.702,5 tấn hay tăng 3,07%; cây chôm chôm được 28.157,7 tấn, tăng 4,32% hay tăng 1.167 tấn; cây dừa được 126.665,6 tấn, tăng 3,68% hay tăng 4.490 tấn.

*b) Chăn nuôi*:

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong tháng phát hiện 05 ổ dịch tả heo Châu Phi tại các xã Vĩnh Xuân, Thới Hòa, Thuận Thới thuộc huyện Trà Ôn; phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh; xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình; tiêu hủy 180 con heo bệnh với tổng trọng lượng 11.439 kg. Lũy kế đến nay đã xảy ra 39 ổ dịch tại 24 xã thuộc các huyện Trà Ôn, Long Hồ, Mang Thít, Tam Bình, Bình Tân, thị xã Bình Minh; tiêu hủy tổng số 1.660 con heo bệnh với tổng trọng lượng 85.100 kg.

Tính đến thời điểm 15/12/2022, tổng đàn heo có 196.594 con, giảm 11,4% hay giảm 25.299 con; đàn bò có 84.832 con,tăng 0,1% hay tăng 86 con; tổng đàn gia cầm có 10.972,7 nghìn con, tăng 0,84% hay tăng 91,7 nghìn con, trong đó đàn gà có 7.868,4 nghìn con, giảm 0,85% hay giảm 67,3 nghìn con so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính quý IV năm 2022, sản lượng thịt heo hơi xuất chuồng đạt 9,8 nghìn tấn, giảm5,3% so cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 4,9 nghìn tấn, tăng5,88%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 15,1 nghìn tấn, tăng 17,33%; sản lượng trứng gia cầm đạt 53,6 triệu quả, giảm1,8%.

Ước tính cả năm 2022, sản lượng thịt heo hơi xuất chuồng đạt 49,4 nghìn tấn, giảm3,45% so với năm trước; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 13,4 nghìn tấn, tăng3,48%; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 60,5 nghìn tấn, tăng 8,1%, trong đósản lượng thịt gà hơi xuất chuồng đạt 38,3 nghìn tấn, tăng 13,48%; sản lượng trứng gia cầm đạt 221,2 triệu quả, giảm0,89%.

Lũy kế đến nay tiêm phòng đạt: 54.952 liều lở mồm long móng trên heo, 36.734 liều tai xanh trên heo;56.705 liều lở mồm long móng trên trâu, bò; 52.540 liều viêm da nổi cục trên bò; 32.428 liều dại chó, đạt 97,2% kế hoạch; tiêm 1,37 triệu liều vaccine cúm gia cầm cho gà và 3,21 triệu liều cho vịt, đạt 62,8% kế hoạch;ngoài ra, các trại, hộ chăn nuôi tự tiêm phòng cho 3,47 triệu con gà và 13.700 con vịt.

***6.2. Lâm nghiệp***

Tình hình đô thị hóa ngày càng tăng nên diện tích đất có trồng các loại cây phân tán như: bạch đàng, tràm bông vàng, dầu gió,… cũng bị khai phá dầnnhường đất cho mục đích xây dựng;giá trị kinh tế từ việc nuôi dưỡng cây lâm nghiệp tự nhiên để khai thác gỗ hiện không cao so với cây ăn quả; vì thế diện tích đất lâm nghiệp đã bị kéo giảm dần theo thời gian. Sản phẩm lâm nghiệp thu hoạch chủ yếu từ cây lâm nghiệp trồng phân tán và cây lâm nghiệp tự nhiên được nuôi dưỡng trên đất sản xuất nông nghiệp. Ước sơ bộ cả năm 2022, toàn tỉnh trồng được 997,9 nghìn cây lâm nghiệp, giảm 1,5% hay giảm 15,2 nghìn cây so với năm 2021.

Ước tính quý IV năm 2022, sản lượng gỗ khai thác đạt 3,12 nghìn m3, giảm 16,45% so với cùng kỳ năm 2021; sản lượng củi khai thác đạt 74,6 nghìn ster, giảm 13,85%.

Sơ bộ năm 2022, sản lượng gỗ khai thác đạt 12,7 nghìn m3, giảm 7,14% so với năm 2021; sản lượng củi khai thác đạt 293,6 nghìn ster, giảm 6,04%.

***6.3. Thủy sản***

Toàn tỉnh hiện có 2.197 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, tăng0,85% hay tăng18,5 ha so với cùng kỳ năm trước; trong đó, diện tích nuôi cá là 2.167,3 ha, tăng0,86% hay tăng18,5 ha, riêng diện tích nuôi cá tra công nghiệplà 348 ha, tăng 0,15% hay tăng 0,5 ha.Diện tích nuôi trồng thủy sản có xu hướng phục hồi và tăng nhẹ, người dân tận dụng diện tích mương vườn, bể bạc, vèo lưới để nuôi thủy sản; các ao nuôi đã neo ao ở kỳ trước cũng vào đợt thu hoạch;... đã góp phần nâng cao sản lượng thủy sản thu hoạch trong năm.

Trong tháng, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thácđạt 12.286,7 tấn, tăng 4,64% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 11.767,4 tấn, tăng 4,78%, riêng cá tra nuôi công nghiệp đạt 9.063,3 tấn, tăng 5,84%.

Ước tính quý IV năm 2022, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thácđạt 47.561,9 tấn, tăng 23,07% so với cùng quý năm trước; trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 46.382,1 tấn, tăng 23,77%.

Sơ bộ cả năm 2022, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thácđạt 150.243,9 tấn, tăng 11,94% so với năm 2021; trong đó thủy sản nuôi trồng đạt 144.400,8 tấn, tăng 12,39%, riêng cá tra nuôi công nghiệp đạt 107.725,9 tấn, tăng 16,7%.

Toàn tỉnh hiện có 361 đơn vị nuôi cá lồng, bè với 1.658 chiếc, giảm 87chiếc so với cùng kỳ năm trước; trong đó có 1.382 lồng, bè đang thả nuôi, giảm 183 chiếc so với cùng kỳ. Trong tháng sản lượng thu hoạch cá lồng, bè đạt 653,4 tấn, tăng 0,28% hay tăng 1,8 tấn so với cùng kỳ; ước tính cả năm 2022, sản lượng thu hoạch đạt 12.018,5 tấn, tăng 0,39% hay tăng 47,1 tấn so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch có xu hướng tăng nhẹ là do thời tiết thuận lợi, người nuôi thay đổi con giống chất lượng nên đạt năng suất cao, tỷ lệ hao hụt thấp.

**7. Sản xuất công nghiệp**

*Những tháng đầu năm, dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt cùng với việc duy trì thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ nên sản xuất công nghiệp tỉnh nhàphục hồi nhanh và tăng trưởng khá; phần lớn các sản phẩm đều tăng sản lượng sản xuất. Tuy nhiên, từ quý III/2022 tình hình thế giới có nhiều bất ổn, lạm phát tăng cao ở các nước châu Âu, … dẫn đến khó khăn trong xuất nhập khẩu; một số doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh bị phía đối tác cắt giảm nhiều đơn hàng cuối năm đã ảnh hưởng nhất định đến chỉ số sản xuất chung của toàn ngành.*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp *(IIP - Index of Industrial Production)* tháng 12/2022 ước tính tăng 5,52% so với tháng trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 10,08%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,77%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 3,02%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng0,65%. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng3,05%, trong đó ngành khai khoáng tăng177,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng2,73%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 7,56%; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 6,26%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp quý IV năm 2022 giảm 4,45% so với quý trước nhưng tăng 15,64% so với cùng quý năm trước. Ước tính cả năm 2022, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng24,92% so với năm 2021; trong đó quý IIIcó mức tăng trưởng mạnh nhất (tăng 79,46%), nguyên nhân chủ yếu do quý III/2021 dịch Covid-19 bùng phát mạnh, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoặc hạn chế quy mô sản xuất.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có quy mô sản xuất lớn nhất toàn ngành, do đó sự tăng trưởng của ngành này đã tác động rất lớn đến toàn ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh nhà; năm 2022 ngành công nghiệp chế biến chế tạo có chỉ số sản xuất tăng26,33% so với năm trước, đã đóng góp vào mức tăng trưởng chung của toàn ngành 24,36 điểm phần trăm (trong đó,quý III tăng87,17% và quý IVtăng16,27%); ngành khai khoáng tăng92,93%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 10,74%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 1,57%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm.

Một số ngành công nghiệp có mức sản xuất trong năm 2022tăng mạnh so với năm 2021 như:

- Sản xuất trang phục tăng 66,6%: Nhờ duy trì được số lượng lao động và các hợp đồng từ thị trường truyền thống nên sản lượng sản xuất trang phục vẫn tăng cao. Tuy nhiên, ngành này đang gặp một số khó khăn khi một số nước đối tác đã cắt giảm đơn hàng xuất khẩu trong tháng cuối năm 2022.

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 37,42%: Nhờ đầu tư mới dây chuyền sản xuất và ổn định được lực lượng lao động nên sản lượng sản xuất tăng cao.

- Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 30,84%: Do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, tình hình xuất khẩu có nhiều thuận lợi, doanh nghiệp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nên sản lượng sản xuất tăng cao.

- Sản xuất đồ uống tăng 30,71%: Ngay sau khi dịch bệnh được kiểm soát tốt, các cửa hàng, dịch vụ lưu trú và ăn uống, các điểm vui chơi, giải trí được mở cửa đón khách nên nhu cầu các loại thức uống tăng cao. Riêng sản xuất bia tăng 28,7%, do nhu cầu thị trường tăng cao nên doanh nghiệp đã tăng sản lượng sản xuất.

- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng27,82%: Nhờ ổn định được thị trường xuất khẩu cũng như duy trì được lực lượng lao động khá lớn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nên sản lượng sản xuất đạt được mục tiêu đề ra. Tuy nhiên hiện tại ngành này đang gặp nhiều khó khăn do tình hình thế giới có nhiều bất ổn, lạm phát tăng cao ở các nước Châu Âu, … phía đối tác đã cắt giảm nhiều đơn hàng và dự báo còn tiếp tục cắt giảm trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 39,84%; ngành dệt tăng 36,42%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 27,13%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 20,78%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 15,33%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghếtăng9,71%; …

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2022 ước tính tăng 1,29% so với tháng trước và tăng6,57% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính cả năm 2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng23,22% so với năm trước. Nhiều ngành chủ lực có thế mạnh về xuất khẩu có mức tiêu thụ tăng cao so với năm trước như: Sản xuất trang phục tăng 65,3%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 62,69%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 47,09%; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 41,3%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 40,59%; sản xuất đồ uống tăng 30,33%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 26,29%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 19,92%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 19,52%; …

Chỉ số tồn kho tháng 12/2022 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm6,13% so với tháng trước nhưng tăng26,05% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành chịu ảnh hưởng bởi thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn hoặc gia tăng sản xuất để dự trữ nên có lượng tồn kho tăng so với cùng kỳ như: Ngành chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tồn kho gấp 2,09 lần cùng kỳ; sản xuất trang phục tăng 79,27%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 52,03%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 33,11%; sản xuất đồ uống tăng 17,11%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 10,76%; … Tuy nhiên, một số ngành thuận lợi trong tiêu thụ hàng hóa hoặc do sản lượng sản xuất thấp nên có lượng tồn kho giảm đáng kể như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 81,35%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 81,3%; ngành dệt giảm 53,99%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 40,55%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 21,75%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 12,8%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 12,57%; …

**8. Thương mại, dịch vụ**

***8.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

*Năm 2022, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục đà phát triển mạnh, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt. Các cơ sở sản xuất kinh doanh tăng cường hoạt động; với các chuỗi sự kiện và hoạt động chào mừng các ngày Lễ lớn diễn ra khá sôi động đã góp phần làm tăng sức mua của thị trường. Bên cạnh đó, mạng lưới phân phối hàng hóa tiếp tục được tăng cường và mở rộng về số lượng và đa dạng về ngành nghề kinh doanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân lựa chọn hình thức mua sắm góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ.Tuy nhiên, từ giữa quý IV/2022 một số doanh nghiệp lớn ở nhiều tỉnh, thành phố bị mất đơn hàng dẫn đến nhiều lao động ở địa phương mất việc, thiếu việc làm ảnh hưởng nhất định đến sức cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 6.116 tỷ đồng, tăng 3,51% so với tháng trước và tăng19,65% so với cùng tháng năm trước; trong đó bán lẻ hàng hóa (thương nghiệp bán lẻ) tăng 2,69% so với tháng trước và tăng 17,36% so với cùng tháng năm trước, dịch vụ lưu trú và ăn uống (khách sạn - nhà hàng) tăng 1,61% so với tháng trước và tăng38,52% so với cùng tháng năm trước, dịch vụ du lịch lữ hành tăng 2,37% so với tháng trước và tăng 238,64% so với cùng tháng năm trước, dịch vụ khác tăng 11,68% so với tháng trước và tăng 14,99% so với cùng tháng năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý IV năm 2022 ước đạt 17.801,5 tỷ đồng, tăng 2,96% so với quý trước và tăng26,08% so với cùng quý năm trước. Trong đó, bán lẻ hàng hóa đạt 13.367,2 tỷ đồng, tăng 3,91% so với quý trước và tăng19,06% so với cùng quý năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 2.434,7 tỷ đồng, tăng 1,64% so với quý trước và tăng71,64% so với cùng quý năm trước; dịch vụ du lịch lữ hành đạt 13,1 tỷ đồng, tăng 6,38% so với quý trước và gấp 9,9 lần cùng kỳ năm trước; dịch vụ khác đạt 1.986,5 tỷ đồng, giảm1,54% so với quý trước nhưng tăng35,01% so với cùng quý năm trước.

Ước thực hiện cả năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 70.024 tỷ đồng, tăng28,08% so với năm 2021; trong đó bán lẻ hàng hóa tăng21,67%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng60,16%, du lịch lữ hành tăng160,15% và dịch vụ khác tăng43,44%. Nếu loại trừ biến động giá (bình quân năm 2022, CPI tăng 2,8% so với năm trước) thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng thực tế tăng24,6%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa trong năm 2022 tăng cao chịu ảnh hưởng lớn của việc tăng giá nhiều loại hàng hóa, còn lượng tiêu dùng thực tế một số mặt hàng thiết yếu tăng không đáng kể. Dịch vụ lưu trú và ăn uống đã có sự phục hồi mạnh mẽ do duy trì được trạng thái bình thường mới và chủ trương kích cầu du lịch; ngoài ra tăng trưởng doanh thu cũng còn do ảnh hưởng của yếu tố tăng giá, đặc biệt là giá bia lon tăng mạnh kể từ đầu quý II năm 2022.

Khách lưu trú trong tháng ước đạt 143,8 nghìn lượt, tăng6,15% so với tháng trước và tăng42,07% so với cùng tháng năm trước. Ước tính cả năm 2022, khách lưu trú đạt 1.536 nghìn lượt, tăng98,24% so với năm trước.

Khách du lịch theo tour trong tháng ước đạt 4,3 nghìn lượt, tăng 3,08% so với tháng trước và gấp 3,8 lần cùng tháng năm trước. Ước tính cả năm 2022, khách du lịch theo tour đạt 39 nghìn lượt, tăng 181,44% so với năm trước.

Hoạt động du lịch lữ hành có sự phục hồi khá tốt, nhất là từ cuối quý II năm 2022 do dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; sự tác động của nhiều sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh kể từ cuối tháng 4/2022 cùng với việc tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch phục hồi hoạt động ngành du lịch tỉnh Vĩnh Long trong điều kiện thích ứng an toàn Covid-19 giai đoạn cuối năm 2021 và năm 2022 phê duyệt theo Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; …

Nhìn chung, thương mại - dịch vụ của tỉnhkhôi phục nhanh và phát triển mạnh, đạt mức tăng trưởng khá tốt trong năm 2022; đặc biệt là các nhóm hàng hóa và dịch vụ không thiết yếu tăng mạnh. Trong trạng thái bình thường mới, các cơ sở tập trung đầu tư phát triển gắn với công tác phòng, chống dịch Covid-19; bảo đảm cung cầu hàng hóa, dịch vụ và ổn định giá cả thị trường; đáp ứng nhu cầu thiết yếu, phong phú, đa dạng của Nhân dân với sự đổi mới cả về cơ sở vật chất lẫn phương thức phục vụ.

***8.2. Xuất nhập khẩu hàng hóa***

*Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các ngành tiếp tục đà tăng trưởng; giá xăng dầu được điều chỉnh giảm; nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định; năng lực sản xuất tăng nên hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của tỉnh phục hồi và tăng trưởng khá so với năm trước.*

***- Xuất khẩu:*** tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh trong tháng 12/2022 ước đạt 56,7 triệu USD, tăng 3,11% so với tháng trước nhưng giảm12,37% so với cùng kỳ năm trước.

Ước tính trong quý IV năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 169 triệu USD, giảm14,56% so với quý trước nhưng tăng32,38% so với cùng quý năm trước. Trong đó, nhiều mặt hàng chủ lực của tỉnh đều có mức xuất khẩu tăng mạnh so với cùng quý năm trước như: Hàng dệt may tăng 95,4%; giày dép các loại tăng44,96%; sản phẩm mây, tre, cối và thảm tăng 37,08%; …

Ước tính cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 746,8 triệu USD, tăng29,87% so với năm trước. Nhiều mặt hàng có mức xuất khẩu tăng mạnh đã tác độnglàm tăng tổng kim ngạch xuất khẩu chung, trong đó đáng kể là: Giày dép các loại tăng44,3%, đóng góp vào tổng kim ngạch xuất khẩu chung 24,95 điểm phần trăm; hàng dệt may tăng57,47%, đóng góp7,14 điểm phần trăm; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng tăng 172,72%, đóng góp 4,25 điểm phần trăm; sản phẩm mây, tre, cối và thảm tăng 24,67%, đóng góp 1,88 điểm phần trăm; …

***- Nhập khẩu:*** Tổng trị giá nhập khẩu trong tháng ước đạt 21,4 triệu USD, tăng 5,27% so với tháng trước nhưng giảm 7,73%so với cùng tháng năm trước.

Ước tính trong quý IV năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 61,2 triệu USD, giảm20,71% so với quý trước nhưng tăng15,53% so với cùng quý năm trước.

Ước tính cả năm 2022, tổng giá trị nhập khẩu đạt 314 triệu USD, tăng22,71% so với năm trước. Các mặt hàng nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn tăng khá so với năm trước đã tác động làm tăng tổng kim ngạch nhập khẩu chung, trong đó đáng kể là: Gỗ và sản phẩm từ gỗ nhập khẩu gấp 2,16 lần năm trước; vải các loại tăng 76,73%; dược phẩm và nguyên phụ liệu dược phẩm tăng 44,64%; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày tăng 25,85%; …

***8.3. Vận tải, bưu chính chuyển phát***

*Ngành vận tải tỉnh nhà phục hồi nhanh và phát triển mạnh sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; đơn vị vận tải mới tăng, nhu cầu đi lại, vui chơi giải trí và tham quan du lịch của người dân tăng cao góp phần làm cho sản lượng vận tải hành khách năm 2022 tăng mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, các ngành sản xuất kinh doanh tiếp tục đà tăng trưởng khá nên nhu cầu vận tải hàng hóa cũng tăng cao. Tuy nhiên, do giá xăng dầu tăng cao (đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm) đã phần nào ảnh hưởng đến doanh thu ngành vận tải.*

***- Vận tải hành khách***: Ước tính trong tháng vận chuyển được 2.155 nghìn lượt khách với 63,3 triệu HK.Km; so với tháng trước tăng3,49% về hành khách vận chuyển và tăng 4,43% về hành khách luân chuyển; so với cùng tháng năm trước tăng64,59% về hành khách vận chuyển và tăng72,44% về hành khách luân chuyển.

Thực hiện trong quý IV năm 2022:

- Vận chuyển được 6,3 triệu lượt khách, tăng1,26% so với quý trước vàtăng92,73% so với cùng quý năm trước.

- Luân chuyển được 183 triệu HK.Km, tăng2,54% so với quý trước và tăng161,34% so với cùng quý năm trước.

Ước tính cả năm 2022, toàn tỉnh đã vận chuyển được 23,7 triệu lượt khách với 692,3 triệu HK.Km, so với năm 2021tăng62,57% về hành khách vận chuyển và tăng80,45% về hành khách luân chuyển; trong đó vận tải đường bộ thực hiện được 16,7 triệu lượt khách với 680,3 triệu HK.Km, tăng66,49% về hành khách vận chuyển và tăng80,84% về hành khách luân chuyển.

***- Vận tải hàng hóa***: Ước tính trong tháng vận chuyển được 608 nghìn tấn với 70,7 triệu Tấn.Km; so với tháng trước tăng3,93% về hàng hóa vận chuyển và tăng4,82% về hàng hóa luân chuyển; so với cùng tháng năm trước tăng50,46% về hàng hóa vận chuyển và tăng58,06% về hàng hóa luân chuyển.

Thực hiện trong quý IV năm 2022:

- Vận chuyển được 1,76 triệu tấn, tăng5,94% so với quý trước và tăng61,05% so với cùng quý năm trước.

- Luân chuyển được 203,6 triệu Tấn.Km, tăng7,88% so với quý trước và tăng68,8% so với cùng quý năm trước.

Ước tính cả năm 2022, vận chuyển được 6,4triệu tấn với 726 triệu Tấn.Km, so với năm 2021tăng44,05% về hàng hóa vận chuyển và tăng46,01% về hàng hóa luân chuyển; trong đó vận tải đường bộ đạt 2,2 triệu tấn với 266triệu Tấn.Km, tăng48,49% về hàng hóa vận chuyển và tăng51,02% về hàng hóa luân chuyển.

- ***Doanh thu vận tải***: Ước tính trong tháng đạt 186,4 tỷ đồng, tăng4,41% so với tháng trước và tăng61,43% so cùng tháng năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 63,4 tỷ đồng tăng4,13% so với tháng trước và tăng74,15% so cùng tháng năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 113,5 tỷ đồng tăng4,62% so với tháng trước và tăng58,2% so cùng tháng năm trước; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 9,5 tỷ đồng, tăng 3,68% so với tháng trước và tăng29,88% so cùng tháng năm trước.

Doanh thu vận tải quý IV năm 2022 ước đạt 539 tỷ đồng, tăng5,06% so với quý trước và tăng84,5% so với cùng quý năm trước. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách tăng134,29%; doanh thu vận tải hàng hóa tăng69,76%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng33,23% so với cùng quý năm trước.

Ước tính cả năm 2022, doanh thu vận tải ước đạt 1.971 tỷ đồng, tăng55,7% so với năm trước; trong đó, doanh thu vận tải hành khách tăng75,34%; doanh thu vận tải hàng hóa tăng48,32%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 31,44% so với năm trước.

- ***Bưu chính chuyển phát***: Doanh thu bưu chính chuyển phát (phạm vi địa phương thu thập, chưa bao gồm Tập đoàn và Tổng công ty do Trung ương phân bổ) trong tháng đạt 687 triệu đồng, tăng4,04% so với tháng trước và tăng 44,96% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính cả năm 2022, doanh thu bưu chính chuyển phát đạt 7,08 tỷ đồng, tăng47,79% so với năm trước.

**II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

*Năm 2022, tỉnh Vĩnh Long đã triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 với tinh thần quyết tâm, chủ động, sáng tạo và trách nhiệm; tổ chức tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 nghiêm túc, hiệu quả, bảo đảm Nhân dân đón Tết vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm theo tinh thần Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 15/12/2021 của Tỉnh ủy gắn với Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 08/12/2021 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Những chuỗi sự kiện chính trị quan trọng, hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, sự kiện cấp quốc gia, thể thao, hội chợ, xúc tiến thương mại, … được diễn ra trên khắp địa bàn huyện, thị xã, thành phố; đặc biệt là chuỗi các công trình dự án, chương trình hoạt động chào mừng Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thể hiện mặt tích cực trong sự phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long trong năm qua.*

**1. Dân số, lao động, việc làm**

Dân số trung bình của tỉnh năm 2022 ước tính có 1.028.822 người, giảm 0,02% so với năm 2021, bao gồm: Dân số nam 508.715 người, chiếm 49,45%; dân số nữ 520.107 người, chiếm 50,55%. Trong tổng dân số năm 2022 của tỉnh, khu vực thành thị có 233.940 người, chiếm 22,74%; khu vực nông thôn có 794.882 người, chiếm 77,26%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước tính có 580.272 người, giảm 0,63% so với năm 2021; trong đó lao động nữ 264.884 người, chiếm 45,65%. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 42,28% năm 2021 xuống 42% năm 2022; khu vực phi nông lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 57,72% năm 2021 lên 58% năm 2022.

Trong tháng tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho 826 người; lũy kế từ đầu năm được 39.342 người. Trong năm tổ chức 219 lớp đào tạo nghề cho người lao động theo chính sách hỗ trợ đào tạo nghề sơ cấp dưới 03 tháng cho 5.002 học viên, đạt 100,04% kế hoạch năm. Góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 59,85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 20,25%.

Giải quyết việc làm mới cho 1.075 lao động lao động, lũy kế từ đầu năm được 28.959 lao động, đạt 144,8% kế hoạch năm; trong đó đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là 139 lao động, lũy kế từ đầu năm được 1.426 lao động, đạt 83,88% kế hoạch năm.

Trung tâm Dịch vụ Việc làm: Tư vấn giới thiệu việc làm cho 4.212 lượt người, lũy kế được 79.569 lượt người; giới thiệu việc làm cho 151 người, lũy kế được 3.001 người. Tư vấn bảo hiểm thất nghiệp cho 3.714 lượt người, lũy kế được 69.185 lượt người; ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 619 người, lũy kế trợ cấp thất nghiệp cho 13.078 người; hỗ trợ học nghề cho 155 lao động thất nghiệp, lũy kế được 1.406 người. Tổ chức phiên giao dịch việc làm tại huyện Trà Ôn và phiên giao dịch việc làm lồng ghép chương trình cà phê việc làm; kết quả có 62 doanh nghiệp tham gia (trong đó có 07 doanh nghiệp tham gia trực tiếp) với 3.450 nhu cầu tuyển dụng; có 323 lượt người lao động tham gia; qua đó đã giới thiệu 151 lao động trao đổi, phỏng vấn với các doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP hỗ trợ cho 2.163 người lao động với số tiền 6.679,9 triệu đồngvà 2.568 hộ kinh doanh với số tiền 7.704 triệu đồng; theo Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND hỗ trợ cho 3.012 đối tượng là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp và những người bán quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh với kinh phí 9.036 triệu đồng; hỗ trợ tiền thuê nhà theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg cho 18.866 lượt lao động với kinh phí 10.351,5 triệu đồng.

Hỗ trợ vay vốn: Giải quyết việc làm cho 7.802 lao động với kinh phí 334.884 triệu đồng; đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng với kinh phí 9.649 triệu đồng. Hỗ trợ chi phí ban đầu cho 02người lao động đi làm việc ở nước ngoài với số tiền 13,8 triệu đồng.

**2. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội**

Cùng với phát triển kinh tế, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động luôn được tỉnh quan tâm thực hiện. Ngoài nguồn vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm, để mở rộng nguồn vốn, trong những tháng đầu năm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các đề án, phê duyệt chính sách nhằm bố trí từ ngân sách tỉnh để cho vay như: Đề án cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết về chính sách cho vay vốn hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025; Đề án cho vay đối với cá nhân, hộ sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án cho vay đối với cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch nhằm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2022 - 2023; ... Đáng chú ý là thực hiện Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh về Phê duyệt Phương án hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, an sinh xã hội, các ngành chuyên môn trong tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh đào tạo nghề, khôi phục hoạt động đưa người lao động đi làm việc ngoài nước theo hợp đồng, … qua đó đã góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong tỉnh.

Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương tối thiểu vùng đã có những tác động tích cực đến tiền lương tháng, lương theo giờ của người lao động có thu nhập thấp. Tình hình sản xuất công nghiệp, xây dựng trên địa bàn có sự hồi phục và tăng trưởng khá nên thu nhập của người lao động tăng hơn trước. Tuy nhiên, do trong những tháng cuối năm một số đơn vị xuất khẩu bị phía đối tác cắt giảm hợp đồng sản xuất nên phải giãn việc, giảm giờ làm, làm chothu nhập của người lao động cũng không cao. Bên cạnh đó trước tình hình giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng cao, thu nhập và đời sống của người lao động làm việc khu vực ngoài nhà nước vẫn chưa được cải thiện nhiều.

Nhờ kiểm soát dịch bệnh tốt ở những tháng đầu năm nên các hoạt động giáo dục, chăm sóc sức khỏe và sinh hoạt của dân cư được khôi phục. Nhiều hoạt động văn hóa xã hội đã sôi động trở lại; nhu cầu hưởng thụ văn hóa và vui chơi, giải trí của người dân tăng lên. Đặc biệt từ tháng 04 đến nay trên địa bàn tỉnh diễn ra một số sự kiện nổi bật như: Lễ kỷ niệm 290 năm thành lập Long Hồ dinh, 190 năm thành lập tỉnh Vĩnh Long, 30 năm tái lập tỉnh Vĩnh Long; Lễ kỷ niệm 110 Ngày sinh Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng; Lễ Quốc khánh 2/9; Kỷ niệm 100 ngày sinh của Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt; ... với nhiều hoạt động, hội chợ, xúc tiến thương mại đã tạo sinh khí vui tươi, phấn khởi cho người dân.

*- Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội, trẻ em, bình đẳng giới, Quỹ Bảo trợ trẻ em:*

Tổ chức thăm, tặng 78.829 phần quà tết Nguyên đán cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 27.852,5 triệu đồng. Tổ chức chúc thọ, mừng thọ 1.187 người cao tuổi 90 tuổi và 97 cụ 100 tuổi. Thực hiện trợ cấp thường xuyên cho 44.825 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 176.748 triệu đồng.

Ra mắt 10 mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động bình đẳng giới và các hoạt động chăm lo bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Tết Trung Thu cho 151.691 trẻ em với tổng số tiền 12.380,8 triệu đồng. Tổ chức Hội thi tìm hiểu về kiến thức và kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước trẻ em năm 2022 bằng hình thức online với sự tham gia của 9.975 trẻ em. Hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 1.249 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo với kinh phí là 61.289 triệu đồng. Hỗ trợ vay vốn tín dụng cho 5.911 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo vay đi làm việc ở nước ngoài, … với số tiền 242.656 triệu đồng. Cấp 11.124 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo và 16.305 thẻ cho người thuộc hộ cận nghèo; hỗ trợ chi phí điều trị bệnh, tiền ăn, đi lại cho 268 người nghèo với số tiền 150,1 triệu đồng; miễn, giảm học phí, chi phí học tập, tiền ăn, nhà ở cho 2.319 học sinh với số tiền 487 triệu đồng.

Năm 2022, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh vận động được 4.092,2 triệu đồng, đạt 136,4% kế hoạch năm; hỗ trợ kịp thời cho 5.655 lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em sống trong hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số các phần quà, tiền mặt, học bổng, xe đạp, dụng cụ học tập, sửa, xây dựng nhà tình thương, …

Quỹ An sinh xã hội vận động được 2.537 triệu đồng, hỗ trợ: Sinh kế cho 08 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Trà Ôn và huyện Mang Thít với số tiền 43 triệu đồng; nhà ở cho người nghèo trên địa bàn tỉnh với số tiền 1.380 triệu đồng, người dân gặp khó khăn trong vụ sạt lở tại xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ với số tiền 87 triệu đồng.

Trung tâm Công tác Xã hội hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng 267 đối tượng. Trong năm đón tiếp 914 lượt đoàn, cá nhân đến thăm, tặng quà cho đối tượng với tổng số tiền 4.053 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ người dân gặp khó khăn trên địa bàn tỉnh với số tiền 469,3 triệu đồng.

*- Chính sách người có công:*

Chăm lo, thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công, thăm tặng 45.541 phần quà tết Nguyên đán với tổng kinh phí 12.729,3 triệu đồng. Tổ chức các đoàn điều dưỡng tập trung và chi trên 3.386 triệu đồng điều dưỡng tại gia đình cho 2.318 người có công đầy đủ, kịp thời và đến đúng đối tượng. Tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ, tặng 25.739 phần quà với 8.346 triệu đồng.

Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong tháng vận động được 13 triệu đồng; lũy kế vận động được 24.857 triệu đồng, đạt 322,8% kế hoạch năm. Hỗ trợđột xuất 500 lượt người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng với số tiền 790 triệu đồng.Hoàn thành xây dựng, sửa chữa 526 căn nhà cho người có công và thân nhân người có công với số tiền 24.700 triệu đồng, từ nguồn hỗ trợ của Đài PTTHVL, Công ty XSKT Vĩnh Long, nguồn hỗ trợ của địa phương và nguồn vận động xã hội.

**3. Giáo dục, đào tạo**

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Bộ GDĐT, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch của ngành theo lộ trình sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo hướng tăng quy mô, giảm điểm lẻ, giảm bớt đầu mối trung gian và biên chế gián tiếp với nguyên tắc tạo thuận lợi cho học sinh học tập; đồng thời bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Năm học 2021-2022, toàn tỉnh có 410 trường cơ sở giáo dục (CSGD) mầm non, phổ thông, so với cùng kỳ giảm 06 trường do sáp nhập; 01 trường Năng khiếu Nghệ thuật và Thể dục Thể thao tỉnh Vĩnh Long; 01 trường Cao đẳng Vĩnh Long; 03 trường Đại học và 01 phân hiệu trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; 146 cơ sở giáo dục thường xuyên.

Tính đến ngày 15/7/2022, toàn tỉnh có 264/410 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 64,39% (cấp Mầm non 56,92%; cấp Tiểu học 70,63%; cấp THCS 70,93%; cấp THPT 47,06%), tăng 4,47% so cùng kỳ năm 2021, tác động tích cực đến công tác quản lý, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh. Mạng lưới trường, lớp tiếp tục được củng cố đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh trong tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Cơ sở trường lớp, được đầu tư phát triển theo hướng chuẩn hóa, tiến tiến, hiện đại đảm bảo nhu cầu giáo dục, đào tạo. Thực hiện tốt công tác xây trường đạt chuẩn quốc gia gắn với công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

Các CSGD nỗ lực, chủ động, đa dạng hình thức dạy học, chất lượng giáo dục được giữ vững, học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình cấp học đạt 99,99%; tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 99,99%, tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 99,99%, tốt nghiệp THCS (hệ GDTX) đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT (phổ thông và giáo dục thường xuyên) năm 2022 đạt 99,37%, xếp hạng 21/63 tỉnh thành và điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT đạt 6,54 xếp hạng 19/63 tỉnh, thành.

**4. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm**

Trong tháng ghi nhận 215 trường hợp xác định dương tính với vi rút SARS-CoV-2; lũy kế đến 11/12/2022 là101.985 trường hợp. Hiện đang điều trị 23 trường hợp, số điều trị khỏi là 170 trường hợp, lũy kế là 28.384 trường hợp.

Công tác tiêm vaccine phòng Covid-19:

- Tiêm cho các nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 21/NQ-CP từ ngày 20/4/2021 đến 16h ngày 11/12/2022 (từ 18 tuổi trở lên): Tổng số 2.748.422 mũi tiêm,trong đó: Tiêm mũi 1 cho 783.051 đối tượng, tỷ lệ 99,9%; tiêm mũi 2 cho 780.805 đối tượng, tỷ lệ 99,8%; tiêm mũi 3 cho 552.358 đối tượng, tỷ lệ 71,83%; tiêm mũi 4 cho 341.497 đối tượng, tỷ lệ 99,9% và tiêm liều bổ sung cho 290.711 đối tượng, tỷ lệ 76,7%.

- Tiêm cho trẻ em từ 12 - 17 tuổi: Tổng số 256.572 mũi tiêm, trong đó: Tiêm mũi 1 cho 95.367 đối tượng, đạt tỷ lệ 99,9%; tiêm mũi 2 cho 92.656 đối tượng, đạt 99,8%; tiêm mũi 3 cho 68.549 đối tượng, đạt76,2%.

- Tiêm cho trẻ em từ 05 - 11 tuổi: Tổng số 202.621 mũi tiêm, trong đó: Tiêm mũi 1 cho 107.932 đối tượng, tỷ lệ 99,8%; tiêm mũi 2 cho94.565 đối tượng, tỷ lệ 88,5%.

Trong tháng, bệnh tiêu chảy tăng 10,44 lần so với cùng kỳ (phát sinh 103 ca); bệnh viêm gan virus tăng 8,66 lần (phát sinh 87 ca); sốt xuất huyết tăng 37,11 lần (phát sinh 343 ca); bệnh tay chân miệng tăng33,7 lần (phát sinh 243 ca); thủy đậu tăng 2,8 lần (phát sinh 19 ca); bệnh quai bị tăng 02 lần (phát sinh 03 ca);các bệnh viêm não virus, sởi, cúm trong tháng không phát sinh.

 Trong tháng, các cơ sở y tế công lập đã khám và điều trị cho 237,2 nghìn lượt người, trong đó có 85% khám bảo hiểm y tế.Số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ là 525 trẻ. Phụ nữ có thai tiêm VAT 2+là 683 bà mẹ.

 Trong tháng đã tiến hành xét nghiệm 2.082mẫu, phát hiện 28 ca nhiễm HIV; số ca nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS và ca AIDS tử vong không phát sinh. Lũy kế từ ca đầu tiên đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện 3.854 ca nhiễm HIV, trong đó có 1.633 ca đã chuyển sang giai đoạn AIDS và 866 ca AIDS đã tử vong.

Ngành y tế đã tăng cường các hoạt động truyền thông phòng chống nguy cơ, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, truyền thông nâng cao sức khỏe cộng đồng, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong việc chủ động chăm sóc sức khỏe của người dân.Thường xuyên kiểm tra, tuyên truyền an toàn thực phẩm theo chuyên đề năm 2022;trong tháng không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

 **5. Hoạt động văn hóa, thể thao**

Tổ chức tuyên truyền cổ động các chuỗi hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị trọng tâm như: Lễ kỷ niệm 290 năm thành lập Long Hồ dinh, 190 năm thành lập tỉnh Vĩnh Long, 30 năm tái lập tỉnh Vĩnh Long; Lễ kỷ niệm 110 Ngày sinh Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng; Lễ Quốc khánh 2/9; Kỷ niệm 100 ngày sinh của Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt; kỷ niệm 78 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 33 năm Ngày Quốc phòng toàn dân; ngày chiến thắng Điện Biên Phủ trên không; kỷ niệm 61 năm Ngày Dân số Việt Nam; ...

Tổ chức triển lãm chuyên đề “Đồng bào Khmer Vĩnh Long bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, hội nhập và phát triển” trong khuôn khổ Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ lần thứ VIII, tại tỉnh Sóc Trăng, với trên 170 tư liệu ảnh, đã thu hút 2.000 lượt khách tham quan; kết quả đạt giải B. Thực hiện bàn giao trang thiết bị nhạc ngũ âm cho 02 chùa Khmer ở xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình; bàn giao trang thiết bị âm thanh cho ấp Thôn Rôm, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn.

Tổ chức triển lãm chuyên đề “Thân thế và sự nghiệp của Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt” tại Trung tâm hội nghị tỉnh nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt, với trên 150 tư liệu ảnh, đã thu hút 20.000 lượt khách tham quan.

***Về thể thao thành tích cao***: Tham gia thi đấu Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 tại Quảng Ninh, đạt 15 huy chương (6 vàng, 4 bạc, 5 đồng).

**6. Tai nạn giao thôngvà trật tự an toàn xã hội**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 147/KH-CAT-PV01 ngày 06/9/2022 về việc mở cao điểm phòng, chống đua xe trái phép trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, các hoạt động tụ tập cổ vũ đua xe và tổ chức đua xe trái phép không xảy ra; tình hình trật tự an toàn giao thông được bảo đảm. Trong tháng, tổ chức tuần tra an toàn giao thông 885 cuộc, phát hiện 697 trường hợp vi phạm; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 628 trường hợp với tổng số tiền 1.329,6 triệu đồng; tạm giữ 179 phương tiện các loại, tước có thời hạn 61 giấy phép lái xe.

Trên địa bàn tỉnh, trong tháng 12/2022 (từ ngày 15/11/2022 - 14/12/2022) đã xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông, làm chết 14 người, bị thương 05 người. So với tháng trước số vụ tai nạn giao thông giảm 02, số người chết tăng 02, số người bị thương giảm 14 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tăng 06 vụ, số người chết tăng 10, số người bị thương giảm 03.

Tính từ đầu năm đến nay(từ ngày 15/12/2021 -14/12/2022) đã xảy ra 145 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 99 người, bị thương 109 người; so với cùng kỳ năm trước tăng38 vụ, số người chết tăng 35, số bị thương tăng24 người.Xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường thủy, làm bị thương 01 người; so với cùng kỳ số vụ không tăng, giảm, số người chết giảm 01, số bị thương tăng 01 người.

**7. Thiệt hại do thiên tai**

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong tháng mưa lớn làm tốc mái 02 căn nhà tại thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình; xảy ra 01 điểm sạt lở tại huyện Long Hồ; ước tổng thiệt hại 38 triệu đồng. Xảy ra 01 điểm sạt lở nghiêm trọng trên tuyến sông Cổ Chiên thuộc Tổ 9, Tổ 10, ấp Bình Thuận 1, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, vào ngày 05/12/2022 tổng diện tích sạt lở khoảng 41.516 m2, trong đó phần đất bãi bồi ước khoảng 2.600 m2, ảnh hưởng đến 30 hộ dân cùng vườn cây ăn trái; làm thiệt hại 13 nhà, 01 nhà kho, 01 xe cuốc đang thi công công trình đê bao, 02 ao nuôi cá chốtdiện tích 0,65 ha, 01 chiếc ghe bằng gỗ tải trọng 2,5 tấn/chiếc, cùng các vật dụng trong gia đình, … tất cả bị chìm xuống sông; ước thiệt hại 35.000 triệu đồng.

Ngoài ra, cập nhật thêm 04 nhà bị thiệt hại do mưa lớn, gió mạnh xảy ra vào tháng 7/2022; thiệt hại lúa đông xuân 2022 - 2023 trong đợt mưa lớn vào đầu tháng 11/2022 là 4.042,5 ha, ước thiệt hại 4.036,2 triệu đồng; huyện Vũng Liêm điều chỉnh diện tích thiệt hại cây ăn trái tập trung (cam sành) từ 55,2 ha xuống còn 43,5 ha; cập nhật thêm 16 đoạn sạt lở xảy ra từ tháng 4, 5, 6, 7/2022 với chiều dài 493 m, ảnh hưởng đến 35 hộ, ước thiệt hại 186,5 triệu đồng.

Lũy kế thiệt hại do thiên tai gây ra: Mưa lớn, gió mạnh làm sập 06 nhà, tốc mái 120 nhà, thiệt hại 4.044,7 ha lúa giống, 11,9 ha màu, 81 ha cây ăn trái tập trung, tốc 62 tấm pin năng lượng mặt trời, ... Xảy ra 125 điểm sạt lở với chiều dài 4.433,5 m, làm ảnh hưởng đến 137 hộ dân, thất thoát 500 kg cá tai tượng thịt và 6.000 con cá chốt giống; triều cường làm ngập 375,9 ha lúa, 186,5 ha màu, 286,3 ha vườn cây ăn trái, làm tràn 0,43 ha nuôi thủy sản, 15 cái đập bị sạt lở, hư hỏng, vỡ, làm ngập nền 5.454 nhà, ... ước tổng thiệt hại là 86.875,9 triệu đồng. Chính quyền địa phương đã hỗ trợ khắc phục thiệt hại được 11.590,2 triệu đồng, từ nguồn quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh, nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa.

Trong tháng thu Quỹ phòng, chống thiên tai được 177,1 triệu đồng; lũy kế từ đầu năm đến nay thu được 8.867 triệu đồng, đạt 84,5% kế hoạch.

**8. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ**

Công tác kiểm tra đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ diễn ra thường xuyên, trong tháng tổ chức kiểm tra 2.753 lượt cơ sở và hướng dẫn 6.642 giải pháp an toàn về phòng cháy chữa cháy (PCCC); tuyên truyền trên loa phóng thanh, tuyên truyền lưu động được 87 cuộc và tuyên truyền trực tiếp 49 cuộc với 2.776 người dự. Hướng dẫn 07 cơ sở xây dựng kế hoạch tập huấn PCCC và CNCH; 107 cơ sở tự diễn tập phương án CC&CNCH và 105 cơ sở ký cam kết đảm bảo an toàn PCCC. Tổ chức tập huấn 15 đội PCCC cơ sở có 224 đội viên tham gia; tập huấn 07 lớp cấp giấy chứng nhận PCCC cho 171 học viên; tập huấn cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho 118 đội viên.

Trên địa bàn tỉnh, trong tháng không xảy ra tình trạng cháy, nổ; so với tháng trước tình trạng cháy, nổ không tăng giảm; so với cùng kỳ năm trước số vụ cháy nổ giảm 01 vụ. Tính từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ cháy, nổ, làm chết 04 người, bị thương 01 người, thiệt hại tài sản khoảng 492 triệu đồng; so với cùng kỳ năm trước số vụ cháy, nổ tăng tăng 01, số người chết tăng 04, số người bị thương tăng 01 và thiệt hại tài sản giảm 4.188 triệu đồng.

Trong tháng, lực lượng Cảnh sát Môi trường các cấp đã tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện 24 vụ vi phạm môi trường (trong đó 22 vụ sử dụng xung điện đánh bắt thủy sản trái phép, 01 vụ khai thác khoáng sản trái phép, 01 vụ xả nước thải trái quy định). Tống đạt quyết định xử phạt vi phạm hành chính 08 vụ với số tiền xử phạt là 132 triệu đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, phát hiện 94 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, số vụ xử lý là 60 vụ và số tiền xử phạt là 2.406,5 triệu đồng.

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Năm 2023, dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ phải tiếp tục đối mặt với không ít khó khăn, thách thức; đó là sự bất ổn về chính trị của các nước trên thế giới có xu hướng ngày càng tăng; chiến tranh giữa Nga - Ucraina chưa có dấu hiệu kết thúc, ... sẽ làm cho kinh tế toàn cầu khó hồi phục và phát triển trở lại, áp lực lạm phát có nguy cơ tăng cao; thị trường trao đổi mua bán hàng hóa thế giới bị thu hẹp, tỷ giá đồng ngoại tệ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Trong bối cảnh chung của thế giới, kinh tế Việt Nam nói chung và Vĩnh Long nói riêng cũng sẽ phải chịu sự ảnh hưởng đáng kể nhất là tình hình sản xuất và tiêu thụ hàng công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản chế biến xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do giá cả nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao, giá xăng dầu nhập khẩu lên, xuống thất thường; thị trường đầu ra cho sản phẩm xuất khẩu hạn hẹp, khó tìm được các hợp đồng gia công, chế biến có quy mô lớn. Tình hình dịch bệnh Covid-19 cũng chưa được khống chế triệt để, có nguy cơ bùng phát trở lại nếu lơ là, chủ quan; thời tiết, thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn, ... sẽ là một thách thức lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Vì vậy tỉnh cần có các giải pháp chủ yếu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế; đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao thu nhập, đời sống người dân.

Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong năm 2023 là:

*Một là*, tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo tiến độ tiêm vaccine phòng Covid-19 đúng hướng dẫn và quy định của ngành y tế. Có kế hoạch chủ động, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các loại bệnh truyền nhiễm khác khi có phát sinh. Chủ động và nâng cao năng lực y tế, nhất là năng lực điều trị ở cơ sở, y tế dự phòng; kiên quyết không để xảy ra tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ khám chữa bệnh và phòng, chống dịch.

*Hai là*, tập trung hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, doanh nghiệp; cải thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; thu hút đầu tư (đặc biệt là vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài FDI) để hình thành những doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn, thu hút nhiều lao động, nhằm giải quyết tốt lao động việc làm ở địa phương. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, quản lý và khai thác có hiệu quả các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới.

*Ba là,* triển khai hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, các giải pháp phù hợp thúc đẩy tăng sức mua, kích cầu tiêu dùng nội địa góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường để kịp thời có các biện pháp điều hành, bình ổn giá phù hợp, nhất là các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích để phát triển du lịch; triển khai thực hiện tốt Đề án Di sản đương đại Mang Thít.

*Bốn là,* tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, chuyển đổi mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất tập trung quy mô lớn, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

*Năm là*, xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo nhằm hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm; tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục, thời gian để người lao động được vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm; hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động, tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, đặc biệt là phải chú trọng đến các lao động trở về từ ngoài tỉnh do ảnh hưởng của dịch bệnh và không có việc làm ổn định. Đảm bảo thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

*Sáu là*, tổ chức thực hiện tốt các biện pháp điều hành thu ngân sách nhà nước; phân loại, đánh giá các nguồn thu ngay từ đầu năm để có biện pháp thu thích hợp. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu - chi ngân sách năm 2023 theo dự toán được giao, khai thác tốt dư địa thu ngân sách nhà nước, đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu ngân sách; đẩy mạnh cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, thực hiện chi ngân sách tiết kiệm nhất là chi thường xuyên, ưu tiên bố trí nguồn NSNN cho các nhiệm vụ trọng tâm. Thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng; kiểm soát tỷ lệ nợ xấu trong giới hạn an toàn.

*Bảy là*, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhất là các dự án/công trình thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ đầu năm 2023.

*Tám là*, theo dõi chặt diễn biến khí tượng, thủy văn, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, đặc biệt là khô hạn, xâm nhập mặn. Thực hiện quan trắc và cảnh báo sạt lở đất bờ sông hằng năm; tập trung đầu tư xử lý ngay các điểm bờ sông đang hoặc có nguy cơ bị sạt lở nghiêm trọng.

*Chín là*, phát triển hệ thống an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách đối với người có công, lao động việc làm, giảm nghèo bền vững. Huy động các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa; chăm lo đời sống Nhân dân, đặc biệt là người có công, gia đình chính sách. Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án an sinh xã hội, đảm bảo gắn phát triển kinh tế với công bằng xã hội ./.

***Nơi nhận***: **CỤC TRƯỞNG**

- Tổng cục Thống kê; *(Đã ký)*

- TT Tỉnh ủy;

-TT HĐND, UBND tỉnh;

-Vụ ĐP II - VPTW Đảng;

-Vụ ĐP (Phía Nam) - VPCP;

-Các sở, ban, ngành;

- Lưu TH, VT.

 **Hà Văn Ban**

1. **[]**Bao gồm vụ đông xuân 2021-2022, vụ hè thu và vụ mùa 2022. [↑](#footnote-ref-2)